TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ CÁT
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 216/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01/8/2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Tô Đình Phương.

+ Ông Phan Thanh Long.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trường Viên – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 về: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, SN: 1994
  Trú tại: thôn Đ, xã M, huyện P, tỉnh B Đ

- Bị đơn: Anh Trần Công H, SN: 1992
  Trú tại: thôn H, xã C, huyện P, tỉnh B Đ
  (Chị T có mặt, anh H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị với anh Trần Công H tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P ngày 02/01/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc. Đến cuối năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không chăm lo làm ăn, bỏ mặc vợ con, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, có lúc còn đánh chị. Từ cuối năm 2021 chị bỏ đi về phía gia đình của chị ở thôn Đ, xã M, huyện P, tỉnh B Đ sinh sống, vợ chồng sống ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng, vợ chồng sống không hạnh phúc nhưng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Công H.

Chị với anh Trần Công H có 02 người con chung tên là Trần Thị Phương V, sinh ngày 17/8/2012 và Trần Nguyễn Gia N, sinh ngày 04/10/2014. Hiện tại sức khỏe cháu V, cháu N phát triển bình thường và đang ở với chị. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì khi ly hôn chị xin nhận nuôi cháu V, cháu N. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trần Công H vắng mặt.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của chị T kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn anh Trần Công H vắng mặt nên chưa chấp hành nghiêm quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị T được ly hôn anh H, giao con chung là cháu Trần Thị Phương V, sinh ngày 17/8/2012 và Trần Nguyễn Gia N, sinh ngày 04/10/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung các đương sự không tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Công H. Đây là tranh chấp về Hôn nhân – Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên yêu cầu khởi kiện của chị T được Tòa án chấp nhận.

Bị đơn anh Trần Công H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ và hòa giải; tham dự phiên tòa nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án và tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Chị Nguyễn Thị T với anh Trần Công H tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P ngày 02/1/2013 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh H được pháp luật thừa nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc. Đến cuối năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không chăm lo làm ăn, bỏ mặc vợ con, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, có lúc còn đánh chị. Từ cuối năm 2021 chị bỏ đi về phía gia đình của chị ở thôn Đ, xã M, huyện P, tỉnh B Đ sinh sống, vợ chồng sống ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng, vợ chồng sống không hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Công H.

[2.3]. Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đã là vợ chồng, lẽ ra chị Nguyễn Thị T với anh Trần Công H phải có nghĩa vụ quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, phải cùng có trách nhiệm với nhau trong cuộc sống hôn nhân. Tuy nhiên, do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Từ cuối năm 2021 vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai nhưng các bên không thể hàn gắn tình cảm để chung sống hạnh phúc nên chị T yêu cầu giải quyết ly hôn anh H. Đối với bị đơn anh Trần Công H nhiều lần Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án nhưng anh H đều vắng mặt. Tuy nhiên, qua kết quả xác minh bà Hồ Thị H thì hiện nay anh H đăng ký thường trú và đang cư trú sinh sống cùng với gia đình của bà tại thôn H, xã C, huyện P, tỉnh B Đ, bà cũng xác định vợ chồng chị T, anh H mâu thuẫn nên đã sống ly thân. Việc anh H không chấp hành sự triệu tập của Tòa án nên phải chịu hậu quả pháp lý từ việc không chấp hành sự triệu tập. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh H đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Công H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình – 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[2.4]. Về con chung:

Chị Nguyễn Thị T với anh Trần Công H 02 người con chung tên là Trần Thị Phương V, sinh ngày 17/8/2012 và Trần Nguyễn Gia N, sinh ngày 04/10/2014. Hiện

tại sức khỏe cháu V, cháu N phát triển bình thường và đang ở với chị. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì khi ly hôn chị xin nhận nuôi cháu V, cháu N. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu xin nuôi con của chị T, Hội đồng xét xử thấy rằng: việc giao con chưa thành niên cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng phải xuất phát từ việc xem xét hoàn cảnh và điều kiện thực tế của người được trực tiếp nuôi con phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con để con được phát triển bình thường. Cháu V, cháu N hiện tại đang ở với chị T, tại biên bản lấy lời khai cháu V, cháu N vào ngày 03/6/2024 nguyện vọng của các cháu muốn ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Trần Thị Phương V, sinh ngày 17/8/2012 và Trần Nguyễn Gia N, sinh ngày 04/10/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5]. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí DSST: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV, chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát tại phiên tòa là phù hợp, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tr về việc yêu cầu ly hôn anh Trần Công H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Công H.

1.2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Phương V, sinh ngày 17/8/2012 và Trần Nguyễn Gia N sinh ngày 04/10/2014. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Tuy nhiên, chị T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 000.... ngày .... tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, nay được khấu trừ.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt, thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Định;*
- *VKSND huyện P (02b);*
- *Chi cục THA DS huyện P;*
- *UBND xã C, H. P;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu án văn;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Minh